

Số: /2026/QĐ-UBND Thanh Hóa, ngày tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ủy quyền cho Giám đốc sở Công Thương thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh được quy định tại Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 và Thông tư số 15/2026/TT-BCT ngày 25/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;

Căn cứ Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 15/2026/TT-BCT ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2025/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 635/TTr-SCT ngày 08 tháng 5 năm 2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ủy quyền cho Giám đốc Sở Công Thương thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh được quy định tại Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 và Thông tư số 15/2026/TT-BCT ngày 25/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

Điều 1. Ủy quyền cho Giám đốc Sở Công Thương thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh được quy định tại Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 và Thông tư số 15/2026/TT-BCT ngày 25/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương, cụ thể như sau:

1. Nội dung ủy quyền thực hiện theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Thời hạn ủy quyền từ ngày quyết định có hiệu lực đến ngày 31/12/2028.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Giám đốc Sở Công Thương có trách nhiệm tổ chức thực hiện đúng nội dung trong phạm vi được ủy quyền, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện nhiệm vụ được ủy quyền tại Điều 1 Quyết định này. Định kỳ hằng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh các nội dung liên quan đến nhiệm vụ được ủy quyền hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Giám đốc các sở; Trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 Quyết định;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Bộ Công Thương (để b/c);
- Cục KTVB&TCTHPL, Bộ Tư pháp (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Báo và PT, TH Thanh Hóa;
- Công báo tỉnh Thanh Hóa;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, CNXDKH, KTTC, HCC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hoài Anh

Phụ lục**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ ỦY QUYỀN
CHO GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG THỰC HIỆN**

*(Kèm theo Quyết định số 40 /2026/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

| STT | TÊN NHIỆM VỤ | CƠ SỞ PHÁP LÝ |
|-----|---|--|
| 1 | <p>a) Cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh cho các tổ chức, doanh nghiệp sử dụng vật liệu nổ trên địa bàn tỉnh.</p> <p>b) Cấp, cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ cho các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.</p> | <p>Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 38/2025/TT-BCT</p> |
| 2 | <p>a) Tiếp nhận báo cáo định kỳ của tổ chức, doanh nghiệp quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ về hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ.</p> <p>b) Tiếp nhận báo cáo đột xuất của tổ chức, doanh nghiệp quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ khi xảy ra xâm nhập trái phép khu vực tồn trữ vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ, mất cắp, thất thoát hoặc xảy ra tai nạn, sự cố trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ.</p> | <p>Khoản 4, khoản 11 Điều 1 Thông tư số 38/2025/TT-BCT</p> |
| 3 | <p>a) Tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn việc thực hiện các quy định pháp luật trong quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ đối với các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh.</p> <p>b) Báo cáo Bộ Công Thương định kỳ, đột xuất tình hình quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ trên địa bàn tỉnh theo thời hạn, biểu mẫu quy định.</p> <p>c) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về xây dựng và phòng cháy, chữa cháy ở địa phương đối với công trình sản xuất, kho chứa vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ theo thẩm quyền quy định của pháp luật về xây dựng và phòng cháy, chữa cháy.</p> <p>d) Cập nhật dữ liệu, thông tin vào Cơ sở dữ liệu theo quy định. Tra cứu dữ liệu, thông tin về vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ trong phạm vi quản lý theo quy định.</p> | <p>Khoản 9, khoản 10, khoản 11 Điều 1 Thông tư số 38/2025/TT-BCT</p> |

| | | |
|----|---|---|
| 4 | Chấp thuận tài liệu quản lý an toàn đối với các công trình dầu khí trên địa bàn trừ các công trình có quy mô tại khoản 1 Điều 27 Thông tư số 40/2018/TT-BCT. | Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 38/2025/TT-BCT |
| 5 | Cấp mới, cấp bổ sung, sửa đổi, cấp lại và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị, dụng cụ điện theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa. | Điều 9 Thông tư số 38/2025/TT-BCT |
| 6 | <p>a) Tiếp nhận, cấp thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký công bố hợp quy và quản lý hồ sơ công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý của ngành Công Thương.</p> <p>b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện việc quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa (bao gồm quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường và trong quá trình sử dụng); Xử lý các vi phạm về chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi được phân công quản lý theo quy định tại Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa và các văn bản pháp luật có liên quan trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.</p> <p>c) Báo cáo định kỳ hàng năm và báo cáo đột xuất gửi Bộ Công Thương về tình hình quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi được phân công quản lý.</p> | Khoản 3, khoản 5 Điều 10 Thông tư số 38/2025/TT-BCT |
| 7 | <p>a) Thực hiện đăng ký dấu nghiệp vụ cho thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh.</p> <p>b) Báo cáo về Bộ Công Thương danh sách thương nhân đã đăng ký dấu nghiệp vụ theo quy định.</p> | Điều 11 Thông tư số 38/2025/TT-BCT |
| 8 | Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, tổ chức có liên quan tổ chức phổ biến, hướng dẫn thực hiện, tổ chức thực hiện mục 2, mục 3, mục 4, mục 5 và mục 6 Chương VI Nghị định số 77/2016/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. | Điều 17 Thông tư số 38/2025/TT-BCT |
| 9 | Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và thực hiện xác nhận hoặc từ chối Đơn đăng ký nhập khẩu tự động thuốc lá điếu, xì gà của thương nhân có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh. | Điều 23 Thông tư số 38/2025/TT-BCT |
| 10 | Xác nhận Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan đối với mặt ong tự nhiên nhập khẩu vào Nhật bản theo yêu cầu của thương nhân xuất khẩu theo quy định tại | Điều 25 Thông tư số 38/2025/TT-BCT |

| | | |
|----|--|--|
| | Thông tư số 48/2025/TT-BCT sửa đổi Thông tư 28/2009/TT-BCT xác nhận hạn ngạch thuế quan đối với mật ong tự nhiên nhập khẩu vào Nhật Bản theo Hiệp định giữa Việt Nam - Nhật Bản về Đối tác kinh tế do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành. | |
| 11 | Cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu hàng hóa cho thương nhân không hiện diện tại Việt Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 90/2007/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư số 28/2012/TT-BCT ngày 27/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thông qua các cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. | Điều 26 Thông tư số 38/2025/TT-BCT |
| 12 | a) Chấp thuận đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, đầu tư sản xuất thuốc lá xuất khẩu, gia công thuốc lá xuất khẩu, di chuyển địa điểm theo quy hoạch; đầu tư chế biến nguyên liệu thuốc lá. b) Cho phép nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại. c) Thông báo chỉ tiêu nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đăng ký nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá tiêu thụ trong nước. | Khoản 4 Điều 30 Thông tư số 38/2025/TT-BCT |
| 13 | Tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, cấp, cấp điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm đối với loại 1 (trừ vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ), loại 2, loại 3, loại 4, loại 9 theo quy định tại điểm b, điểm e khoản 4, khoản 6 Điều 44 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của cá nhân, tổ chức đặt trụ sở chính hoặc chi nhánh trên địa bàn tỉnh. | Điều 3 Thông tư số 15/2026/TT-BCT |